

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 137/TTr-STP ngày 23 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.



Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL, Cục Công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- TT.TU; TT.HĐND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, NC. DN29

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trùm

QUY CHẾ

**Phối hợp trong quản lý công tác thi hành pháp luật về
xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành).

2. UBND các huyện, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Hoạt động phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương và quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; lồng ghép công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Bảo đảm hoạt động phối hợp phải chặt chẽ, đồng bộ, thường xuyên, thống nhất, kịp thời và hiệu quả.

4. Xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì; cơ quan, đơn vị phối hợp; trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; nội dung, thời hạn, cách thức thực hiện; chế độ thông tin, báo cáo. Không làm ảnh hưởng

đến hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng Kế hoạch quản lý công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Phổ biến pháp luật; hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức.
5. Kiểm tra, thanh tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
6. Xây dựng, cung cấp thông tin quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.
7. Thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
8. Các nội dung phối hợp khác trong quá trình thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức, tham gia họp liên ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Phối hợp thành lập, tham gia các đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Thống nhất về nội dung liên quan đến công tác áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
5. Thực hiện các yêu cầu phối hợp khác trong hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6. Xây dựng Kế hoạch quản lý công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch của Bộ Tư pháp, tình hình thực tế của địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan

tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm (những ngành, lĩnh vực xảy ra nhiều vi phạm, gây bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức); đồng thời, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo lĩnh vực trọng tâm đã xác định.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch; các sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Kế hoạch của UBND cấp huyện được ban hành, UBND cấp xã căn cứ Kế hoạch của UBND cấp huyện để xây dựng Kế hoạch của địa phương mình và triển khai tổ chức thực hiện.

Đối với các ngành, lĩnh vực không thuộc lĩnh vực trọng tâm theo dõi hàng năm của tỉnh thì trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và căn cứ tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng Kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý, phụ trách.

3. Bộ phận Pháp chế thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; Phòng Tư pháp cấp huyện; công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chịu trách nhiệm làm đầu mối tham mưu thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã trong việc xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngành và địa phương mình quản lý.

Điều 7. Xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Xây dựng, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

Căn cứ các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tình hình thực tế của ngành lĩnh vực hoặc địa phương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL theo thẩm quyền để quy định các biện pháp thực hiện công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện văn bản Quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản QPPL quy định có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Chỉ đạo công tác xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi lĩnh vực, địa bàn do ngành, địa phương mình quản lý.

3. Kiểm tra, rà soát, kiến nghị hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý; chủ động kiểm tra, rà soát, kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để phản ánh, kiến nghị cơ quan, cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đình chỉ thi hành hoặc thay thế;

b) Tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Đối với các phản ánh, kiến nghị của các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, của UBND cấp xã; Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp thành báo cáo chung của ngành, địa phương quản lý gửi về Sở Tư pháp theo quy định.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn; các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc (gọi chung là các phản ánh, kiến nghị) của các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện trong quá trình tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Đề xuất UBND tỉnh kiến nghị cơ quan, cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc đình chỉ thi hành đối với các quy định liên quan đến nội dung phản ánh, kiến nghị của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện để góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 8. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Căn cứ Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của UBND tỉnh, Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành xây dựng Kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Hàng năm tổ chức được ít nhất 01 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho các cán bộ, công chức và các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện việc phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Định kỳ hàng năm tổ chức, phổ biến tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho cán bộ, công chức và các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Cử các cán bộ, công chức và các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tham gia các hội nghị triển khai, lớp tập huấn về xử lý vi phạm hành chính do cơ quan Trung ương và địa phương tổ chức khi có yêu cầu.

Điều 9. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức

1. Thực hiện công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức chỉ được thực hiện trong các trường hợp vi phạm theo quy định tại Khoản 1, Điều 72 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục công bố công khai được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản QPPL quy định chi tiết thi hành Luật.

3. Đối với các vụ việc do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử phạt thuộc trường hợp phải công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng thì trước khi thực hiện việc công bố công khai phải gửi đến Văn phòng UBND tỉnh và Sở Tư pháp để kiểm tra, theo dõi.

Điều 10. Phối hợp kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quản lý.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý; cử cán bộ, công chức tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Khi có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập Đoàn Thanh tra liên ngành tiến hành thanh tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

4. Nội dung, căn cứ, phương thức, thẩm quyền quyết định kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 11. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh trong việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

2. Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30/12/2016 của Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản khác có liên quan.

Điều 12. Thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, tổng hợp báo cáo, thống kê tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, thống kê công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm, để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Công an tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội ngoài việc thực hiện báo cáo, thống kê theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này còn có trách nhiệm:

- Công an tỉnh báo cáo tình hình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; cơ sở giáo dục bắt buộc theo các nội dung quy định tại điểm a, b, d, e khoản 3 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung quy định tại các điểm d, đ và khoản 3 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ; đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

c) Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo hàng năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 05 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm;

Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

4. Nội dung báo cáo, thống kê công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

5. Ngoài việc thực hiện báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này, các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo, thống kê đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 13. Tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về xử lý vi phạm hành chính

1. Trong trường hợp xử lý vi phạm hành chính có phát sinh khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện thì cơ quan, đơn vị tham mưu việc xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan giúp người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thụ lý giải quyết việc khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tham mưu nội dung để người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính tham gia việc tranh tụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các vụ việc có tính phức tạp; việc xử lý, giải quyết kéo dài; gây bức xúc cho người dân; ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự, an toàn xã hội; để đảm bảo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định pháp luật, cơ quan được giao tham mưu việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phải chủ động phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức họp để lấy ý kiến thống nhất hướng xử lý hoặc có văn bản tham khảo ý kiến của ngành chuyên môn của Trung ương.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Sở Tư pháp có trách nhiệm

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Theo dõi, đôn đốc, đánh giá công tác phối hợp theo Quy chế này để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

4. Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

5. Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán ngân sách, đảm bảo kinh phí chi cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân bổ kinh phí cho Sở Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

6. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên thống kê, tổng hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trình Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp theo quy định.

Điều 15. Sở Nội vụ có trách nhiệm

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 16. Sở Tài chính có trách nhiệm

Hàng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí của Sở Tư pháp, Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí, cấp kinh phí đảm bảo cho hoạt động quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định pháp luật.

Điều 17. Các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm

1. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện tốt việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và Kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.

2. Hàng năm, lập dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gửi Sở Tài chính thẩm định.

Điều 18. UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm

1. Hàng năm, xây dựng Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành và Kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

3. Bảo đảm đủ biên chế cán bộ, công chức làm việc tại Phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch tại cấp xã để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Bố trí ngân sách đảm bảo kinh phí cho hoạt động quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền của cấp huyện, cấp xã.

Điều 19. Phối hợp giám sát công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Đề nghị Hội đồng nhân dân các cấp, Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp giám sát công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 19 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 20. Khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

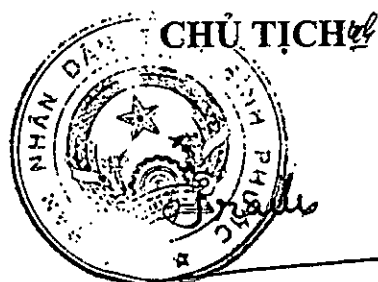
1. Cá nhân, cơ quan, đơn vị thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao trong quá trình thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được biểu dương, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Cá nhân, cơ quan, đơn vị không thực hiện, thực hiện không đúng theo Quy chế này, đùn đẩy trách nhiệm, không phối hợp, phối hợp không nghiêm túc hoặc vi phạm những quy định bị nghiêm cấm trong Luật Xử lý vi phạm hành chính thì cá nhân, người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh. Tùy theo mức độ vi phạm, hậu quả xảy ra sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm thực hiện và việc sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND các cấp theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này và các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Nguyễn Văn Trâm